

THỰC TRẠNG TỰ HỌC VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Văn Tròn^{1*}, Nguyễn Lê Mẫn², Lê Nguyễn Phương Anh² và Chung Quan Tiến²

¹*Khoa Luật, Trường Đại học Cần Thơ*

²*Khoa Xã hội & Nhân Văn, Trường Đại học Cần Thơ*

Tóm tắt. Tự học là con đường phát triển nội sinh để hoàn thiện và phát triển năng lực bản thân. Chỉ khi nào phát huy được nội lực tự học bên trong thì kết quả học tập mới vững chắc. Bởi vậy vấn đề tự học của SV rất quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng tự học của sinh viên đồng thời xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn (KHXXH&NV), Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT). Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất biện pháp nhằm góp phần hỗ trợ sinh viên có phương pháp tự học phù hợp nhằm cải thiện kết quả học tập. Số liệu của nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp bảng hỏi đối với 200 sinh viên khoa KHXXH&NV, Trường ĐHCT. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu nhằm phân tích các yếu tố tác động đến hoạt động tự học. Nghiên cứu đã chỉ ra được 04 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tự học của sinh viên, đó là, gia đình, cá nhân, nhà trường và thầy, cô.

Từ khóa: Yếu tố ảnh hưởng, hoạt động tự học, sinh viên, Xã hội và Nhân văn, Đại học Cần Thơ.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và khoa học công nghệ phát triển đến đỉnh cao, khối lượng tri thức nhân loại ngày càng gia tăng, cùng với sự phát triển của mạng viễn thông đã cho phép con người trao đổi thông tin một cách nhanh chóng và tiếp cận kiến thức thuận lợi, dễ dàng. Từ đó, điều mà nhà trường cần làm không chỉ là truyền thụ cho SV những kiến thức khoa học cơ bản, cốt lõi mà còn phải chú trọng đến việc hướng dẫn cách tự học cho sinh viên thông qua nhiều cách khác nhau sau giờ lên lớp. Để có phương pháp học tập hiệu quả, khai thác và xử lý thông tin thì tự học được xem là một trong những biện pháp tối ưu giúp sinh viên làm giàu vốn tri thức của mình, phục vụ tốt hơn cho hoạt động thực tiễn. Việc nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên cần phải đặt vào nhiệm vụ trọng tâm của các trường đại học. Nghị quyết 29- NQ/TW cũng đã chỉ rõ: “*Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời... Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực*” [1]

Tự học là một xu thế tất yếu, bởi vì quá trình giáo dục thực chất là quá trình biến người học từ khách thể giáo dục thành chủ thể giáo dục (tự giáo dục). Tự học giúp nâng cao kết quả học tập của sinh viên và chất lượng giáo dục của nhà trường, là biểu hiện cụ thể của việc đổi mới phương pháp dạy học ở các trường phổ thông [2]. Tự học là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng

lực trí tuệ (so sánh, quan sát, phân tích, tổng hợp...), và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình, cả động cơ, tình cảm, nhân sinh quan, thế giới quan (như trung thực, khách quan, có chí tiến thủ, không ngại khó,...) để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình [2;3;4]. Một số tác giả khác cho rằng, tự học là loại hình đào tạo miễn phí, là hoạt động sáng tạo của mỗi cá nhân, là hoạt động ngoài các bức tường của nhà trường (không nằm trong các lần tổ chức giảng dạy) và do cá nhân tự tiến hành, không có sự trợ giúp của người dạy. Người học hoàn toàn tự do lựa chọn môn học, phương pháp học cũng như nguồn tài liệu cho bản thân. Như vậy, đặc trưng cơ bản của tự học là tính độc lập của cá nhân rất cao, động cơ học tập mang tính “nội sinh”, phương pháp và hình thức học tập đa dạng. Tự học thể hiện đầy đủ nhất vai trò chủ thể trong quá trình nhận thức của sinh viên. Trong quá trình đó, người học hoàn toàn chủ động, tự lực tìm tòi, khám phá để lĩnh hội tri thức dưới sự chỉ đạo, điều khiển của giáo viên. Đây không chỉ là một phương pháp nâng cao hiệu quả học tập mà là một mục tiêu quan trọng của học tập [2].

Trên thế giới đã có rất nhiều nghiên cứu về vấn đề tự học và cho thấy sự cần thiết, quan trọng của vấn đề tự học trong việc nâng cao tri thức của bản thân. Lí thuyết và nghiên cứu về học tập tự điều chỉnh đã xuất hiện vào giữa những năm 1980 để giải quyết câu hỏi làm thế nào sinh viên trở thành bậc thầy trong quá trình học tập của chính họ [6;7;8]. Không phải là một khả năng tinh thần hay một kĩ năng học tập, tự điều chỉnh là quá trình tự chỉ đạo thông qua đó người học chuyển đổi khả năng tinh thần của họ thành các kĩ năng học tập liên quan đến nhiệm vụ. Một trong những cách thức tự học mang lại hiệu quả cao có thể kể đến khái niệm tự học. Đây là một cách thức dựa trên các nguyên tắc giáo dục người lớn và có thể có nhiều định dạng khác nhau. Trong việc thực hiện tự học theo định hướng, giáo viên trở thành người hỗ trợ học tập và đưa ra các yêu cầu phát triển đối với mỗi học sinh [3;4;9;10;11;12]. Điều đó có nghĩa là, không phải tất cả học sinh đều tự định hướng và có phương pháp tự học để đạt được kết quả tốt. Người trưởng thành có thể tự định hướng nhiều hơn so với người đi học, cách học và sự sẵn sàng học hỏi cần được đánh giá khi đánh giá sự phù hợp của việc sử dụng phương pháp học tự định hướng [4]. Tuy nhiên, tự học có định hướng mang lại nhiều lợi ích tiềm năng như: Tăng sự tự tin, tự chủ; tăng động lực và chuẩn bị cho nền kiến thức lâu dài, vững chắc. Tinh thần tự học ở các lứa tuổi sẽ có những quan điểm khác nhau [2;4].

Tại Việt Nam, vấn đề tự học được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu như: Nguyễn Cảnh Toàn & Nguyễn Kỳ (1997, 2001) [13], [14]; Nguyễn Trí (1998) [15]; Vũ Quốc Chung, Lê Hải yến (2003) [16]. Những công trình nghiên cứu này thực sự có ý nghĩa lí luận và thực tiễn đối với việc dạy cách học và cách tự học cho SV.

Bên cạnh những nghiên cứu về tự học, các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình tự học cũng nhận được sự quan tâm từ các nhà khoa học trong và ngoài nước. Các công trình nghiên cứu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tự học bao gồm nhóm nhân tố bên trong và nhóm nhân tố bên ngoài. Nhóm các yếu tố bên ngoài như: Phương pháp giảng dạy của giảng viên; Phương pháp kiểm tra đánh giá; Điều kiện về cơ sở vật chất của trường; Số năm học đại học; Nơi cư trú trước khi học đại học. Nhóm các yếu tố bên trong là: Giới tính; Điểm trung bình học kỳ gần nhất; Năng lực ngoại ngữ; Thời gian tự học [3;9;10;11;12]. Có 3 nhân tố khác được xác định là tác động đến quá trình tự học: Nhận thức, phương pháp và thái độ tự học của sinh viên. Các nhân tố này đều có tác động thuận chiều đến kết quả học tập, trong đó phương pháp tự học có tác động mạnh nhất, kế đến là thái độ tự học và sau cùng là nhận thức về tự học [4]. Ngoài ra, vẫn tồn tại một số yếu tố khác ảnh hưởng đến tự học của sinh viên như sự tham gia, quan tâm sâu sát của cố vấn học tập, sự khai thác và sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập như máy tính, internet...

Nhìn chung, tất cả các nghiên cứu trong và ngoài nước đều đi sâu phân tích khái niệm, bản chất của tự học, vai trò ý nghĩa của việc tự học, các kĩ năng và phương pháp tự học, trong đó nhiều công trình đi sâu tìm hiểu các biện pháp nâng cao chất lượng tự học cho SV. Tuy nhiên,

những nghiên cứu về những khó khăn, hạn chế và các yếu tố tác động đến việc tự học của SV trong các trường đại học thì vẫn chưa nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu.... Vì vậy, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu với mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả việc tự học của SV. Mục đích cụ thể của nghiên cứu này là khảo sát và phân tích thực trạng tự học của sinh viên khoa KHXH&NV, trường ĐHCT. Đồng thời cũng tìm hiểu và phân tích các yếu tố tác động đến hoạt động tự học của sinh viên. Từ đó đề xuất biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả tự học của sinh viên nói chung và sinh viên trường ĐHCT nói riêng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm “tự học”

Cho đến thời điểm hiện tại, đã có rất nhiều tác giả cũng như công trình nghiên cứu nêu lên khái niệm “Tự học” như sau:

Theo Trần Thị Minh Hằng (2011): Tự học là quá trình cá nhân tự giác, tự lực, tích cực lĩnh hội những vấn đề được đặt ra trong cuộc sống bằng hành động của chính mình để đạt được những mục đích nhất định.

Theo Lêvitôv (1970): Tự học là hoạt động tích cực của cá nhân với các thành phần tâm lý của sự lĩnh hội, đó là thái độ tích cực của người học trong tự học các quá trình tư duy, các quá trình ghi nhớ,...các quá trình tâm lý có liên quan mật thiết với nhau để hoạt động tự học đạt kết quả.

Theo tác giả Rubakin (1973): Tự học là quá trình lĩnh hội tri thức, kinh nghiệm xã hội lịch sử trong thực tiễn hoạt động cá nhân bằng cách thiết lập các mối quan hệ cải tiến kinh nghiệm ban đầu, đối chiếu với các mô hình phản ánh hoàn cảnh thực tại, biến tri thức của loài người thành vốn tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ xảo của bản thân chủ thể.

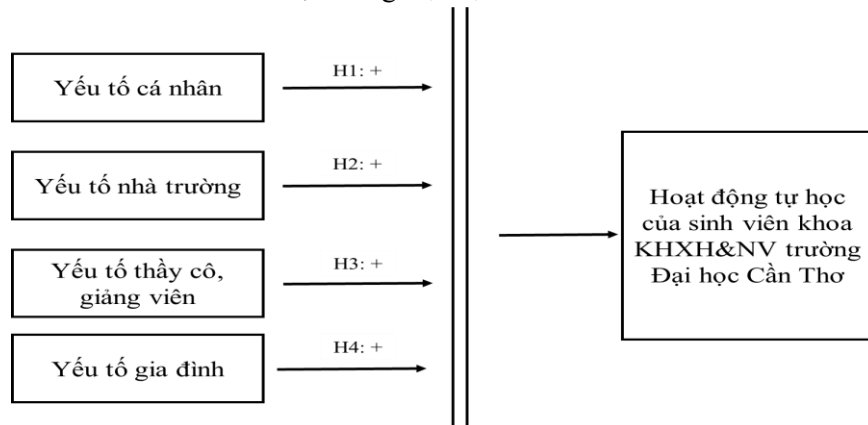
Tác giả Nguyễn Cảnh Toàn (2001) cho rằng: Tự học là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ (so sánh, quan sát, phân tích, tổng hợp...), và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình, cả động cơ, tình cảm, nhân sinh quan, thế giới quan (như trung thực, khách quan, có chí tiến thủ, không ngại khó,...) để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình.

Nhìn chung, những khái niệm này xuất phát từ nhiều góc độ khác nhau trong nghiên cứu về vấn đề tự học. Tuy nhiên, chúng cũng đã khái quát được một số đặc điểm cơ bản giúp các nhà nghiên cứu hình dung thế nào là tự học. Vì vậy, từ những khái niệm trên, có thể kết luận về khái niệm “Tự học” như sau: Tự học là quá trình tiếp thu kiến thức xã hội trong nhiều lĩnh vực; tự nghiên cứu, tự tìm tòi, tự phát hiện những điều mới dựa trên những gì đã được chứng minh trong các tài liệu sau đó tự tổng hợp, phân tích và biến nó thành kiến thức của mình. Là một quá trình tự sáng tạo, tự lĩnh hội và học tập vốn tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng,... Vận dụng khái niệm “Tự học” này vào nghiên cứu nhằm xem xét sinh viên khoa KHXH&NV, trường ĐHCT đã có những biểu hiện tự học như thế nào và những biểu hiện đó được diễn ra dưới tác động của các yếu tố nào.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Do nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA, theo đó kích thước mẫu thường được xác định dựa vào kích thước tối thiểu và số lượng biến đo lường đưa vào phân tích. Hair & ctg (2006) cho rằng để sử dụng phân tích nhân tố khám phá (EFA), số lượng biến đo lường cần tối thiểu là 50, và tốt hơn là 100 và tỷ lệ quan sát (observations)/biến đo lường (items) là 5:1, nghĩa là 1 biến đo lường cần tối thiểu 5 quan sát. Cụ thể, trong mô hình nghiên cứu được tác giả đề xuất có 21 biến quan sát có thể được sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá (EFA). Do đó số quan sát tối thiểu dự kiến của nghiên cứu là $21 \times 5 = 105$ quan sát. Để đảm bảo tính chính xác và giải quyết được mô hình phân tích, nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp 200 sinh viên khoa KHXH&NV, trường ĐHCT.

Thông qua lược khảo tài liệu, có nhiều nhân tố tác động đến hoạt động tự học của sinh viên. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, hoạt động tự học của sinh viên bị chi phối bởi các nhóm yếu tố bên trong bao gồm nhận thức, phương pháp và thái độ tự học của sinh viên [3;9;10;11;12] lẫn các nhóm yếu tố bên ngoài như Phương pháp giảng dạy của giảng viên; Phương pháp kiểm tra đánh giá; Điều kiện về cơ sở vật chất của trường,... [4]. Mặt khác, sự hỗ trợ của mạng máy tính và sự tham gia tích cực của cố vấn học tập cũng được xác định có tác động đến quá trình tự học của sinh viên. Trên cơ sở nghiên cứu lí thuyết và kết quả nghiên cứu thực nghiệm của các tác giả trong và ngoài nước, nghiên cứu này đề xuất các tiêu chí ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên. Mô hình phân tích hoạt động tự học của sinh viên khoa KHXH&NV, trường Đại học Cần Thơ gồm có hai thành phần chính là: hoạt động tự học của sinh viên là biến phụ thuộc (Y), các yếu tố cá nhân, nhà trường, giảng viên, gia đình là các biến độc lập (Xi). Ngoài ra, mô hình nghiên cứu được xây dựng nhằm để thể hiện rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên khoa KHXH&NV, trường Đại học Cần Thơ.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

(Đề xuất của tác giả, 2019)

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Thực trạng tự học của sinh viên

Để có được nguồn số liệu đầy đủ về thực trạng vấn đề tự học của sinh viên khoa KHXH&NV, trường ĐHTC hiện nay, nghiên cứu đã tiến hành lấy 200 mẫu khảo sát với khách thể là sinh viên các ngành Xã hội học, Thông tin thư viện, Văn học và Việt Nam học, mỗi ngành lấy đại diện 50 mẫu theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Trong đó có 49 nam và 151 nữ, bao gồm sinh viên ở 03 khóa 42, 43 và khóa 44 với tỷ lệ 13,5%, 49,5 và 37%. Đối với thực trạng về vấn đề tự học của sinh viên, nghiên cứu tập trung khai thác những khía cạnh về thời gian tự học và phương pháp tự học. Đây là những tiêu chí phản ánh rõ nét nhất về quá trình tự học của mỗi cá nhân sinh viên được khảo sát.

Trước hết là đề cập đến thời gian tự học. Thời gian tự học đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình tự học của sinh viên. Việc xác định thời gian tự học phù hợp giúp sinh viên có được hiệu quả học tập cao. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy rằng sinh viên khoa KHXH&NV có thời gian tự học còn hạn chế. Theo chương trình đào tạo của trường Đại học Cần Thơ, với 1 giờ học trên lớp thì phải có 2 giờ tự học mới đảm bảo tiếp thu đủ kiến thức. Trung bình mỗi ngày sinh viên có khoảng 3 giờ học trên lớp thì tương đương phải có 6 giờ tự học tại nhà, thư viện,... Tuy nhiên, thực tế này đã phản ánh thực trạng thời gian tự học hiện nay của đa số sinh viên không đạt yêu cầu, thời gian tự học của sinh viên trong khoảng từ 2 giờ đến 4 giờ được lựa chọn nhiều nhất, có 93 khách thể (chiếm tỷ lệ 46,5%). Kết quả cuộc khảo sát cũng cho thấy chưa có mối quan hệ giữa các yếu tố giới tính, khóa học hay xếp loại học lực đến thời gian tự học. Nhìn chung, hầu

hết sinh viên có khoảng thời gian tự học tương ứng với chương trình đào tạo vẫn còn rất ít hoặc thậm chí không có.

Về phương pháp tự học, tùy vào từng sinh viên khác nhau mà phương pháp tự học cũng có sự khác biệt. Đa số sinh viên khoa KHXH&NV có cách tự học là tự nghiên cứu chiếm 88,5%. Điều này cho thấy rằng sinh viên có nhận thức được việc nghiên cứu đóng vai trò quan trọng quá trình tự học của bản thân. Sinh viên tự tìm hiểu về các vấn đề chưa rõ bằng nhiều cách khác nhau như đọc nhiều sách tham khảo về chuyên môn, ngoài chuyên môn, tự nghiên cứu bằng cách tra khảo các tài liệu có sẵn ở thư viện hoặc tài liệu trên các website. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ sinh viên có lập kế hoạch tự học chưa cao chỉ chiếm 15,5%. Mặc dù sinh viên khoa KHXH&NV có sự tìm hiểu và nghiên cứu trong quá trình tự học nhưng sinh viên chưa biết cách lập kế hoạch tự học. Đây là một hạn chế làm giảm hiệu quả quá trình tự học của sinh viên.

Ngoài ra nghiên cứu cũng tiến hành xem xét sự tự đánh giá của sinh viên về các kỹ năng tự học mà mỗi sinh viên đã trang bị cho chính mình thông qua thang đo qua thang đo Likert 5 mức độ với ý nghĩa như sau: 1=Rất không tốt, 2=Không tốt, 3=Bình thường, 4=Tốt, 5=Rất tốt. Sau đó, nghiên cứu áp dụng công thức tính giá trị khoảng cách để có thể đánh giá chung về những kỹ năng tự học của sinh viên. Từ đó, phát hiện những tiêu chí nào được thực hiện tốt để phát huy và những tiêu chí có giá trị thấp để tìm ra biện pháp khắc phục. Kết quả tự đánh giá của sinh viên về các kỹ năng tự học được thể hiện trong bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Mức độ đánh giá các kỹ năng tự học của sinh viên (n=200)

Các kỹ năng tự học	Giá trị trung bình (Mean)	Ý nghĩa
Kỹ năng lập kế hoạch	3,96	Tốt
Kỹ năng đọc, ghi chép, quan sát	4,11	Tốt
Kỹ năng giao tiếp (lắng nghe và phản hồi tích cực) với người trợ giúp học tập, thảo luận nhóm	3,88	Tốt
Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để tìm kiếm, cập nhật tin tức và khai thác mạng Internet trong tự học	3,99	Tốt
Kỹ năng đánh giá kết quả tự học và rút kinh nghiệm	3,94	Tốt
Kỹ năng nghiên cứu, tìm tòi khoa học, vận dụng kiến thức	3,94	Tốt
Kỹ năng thu thập, xử lý và khai thác các nguồn tài liệu tham khảo từ các kênh khác nhau (sách, tạp chí, video, tivi, Internet...)	3,94	Tốt
Kỹ năng xác định, lựa chọn những vấn đề cần học, thiết kế đề cương thảo luận	3,85	Tốt
Kỹ năng đặt câu hỏi trong tự học, xây dựng đề cương ôn tập	3,80	Tốt

(Nguồn: Kết quả phân tích số liệu, 2019).

Từ kết quả Bảng 1 thấy rằng sinh viên khoa KHXH&NV hoàn thành đánh giá các tiêu chí kỹ năng tự học ở mức ý nghĩa tốt vì giá trị Mean nằm trong khoảng giá trị từ 3,80 - 4,20. Trong đó, các kỹ năng được đánh giá cao nhất là những kỹ năng đọc, ghi chép, quan sát (4,11), kể đến là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để tìm kiếm, cập nhật tin tức và khai thác mạng Internet trong tự học (3,99). Trong môi trường đại học, kiến thức không chỉ gói gọn trong những tài liệu mà giảng viên cung cấp trên lớp mà còn bao gồm những kiến thức được truyền đạt thông qua quá trình giảng dạy, chính vì thế để có thể đạt được kết quả cao trong học tập, thì sinh viên phải chịu khó ghi chép lại các kiến thức nâng cao mà giảng viên giảng trên lớp, làm tài liệu để nghiên cứu mở rộng. Nhận thức được tầm quan trọng của việc đọc, ghi chép, sinh viên ngày nay đã chủ động trau dồi cho bản thân những kỹ thuật để nâng cao kỹ năng ghi chép, đọc và quan sát của bản thân. Bên cạnh các kiến thức được học trên lớp, thì sinh viên còn phải không ngừng cập nhật tin tức xã hội thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Việc cập nhật tin tức thường xuyên còn góp phần tăng vốn kỹ

năng xã hội cho sinh viên, giúp sinh viên phản ứng tốt hơn với các hoàn cảnh thực tế trong cuộc sống. Các kiến thức khoa học cũng ngày càng được chú trọng và bắt đầu hình thành những trang web học thuật, thuận lợi cho việc kết nối, tham luận giữa các sinh viên trong nước thậm chí là với cả những sinh viên nước ngoài. Giới trẻ lại là nhóm đối tượng dễ dàng tiếp thu những tiến bộ của khoa học – kỹ thuật và xu hướng tân tiến của xã hội hiện đại. Do vậy, mà mỗi sinh viên đều có kỹ năng vận dụng internet trong việc tìm kiếm tài liệu phục vụ cho việc tự học.

Thông qua việc phân tích thực trạng và sự tự đánh giá của sinh viên về các kỹ năng tự học, cho thấy, sinh viên khoa KHXH&NV đều có những đánh giá có mức ý nghĩa tốt với hầu hết những kỹ năng tự học cần có. Tuy nhiên, mặc dù sinh viên đánh giá bản thân có kỹ năng lập kế hoạch tự học tốt nhưng khảo sát thực tế về thời gian tự học lại cho thấy sinh viên vẫn chưa dành nhiều thời gian cho việc tự học. Điều này cho thấy việc lập kế hoạch và thực hiện đúng theo kế hoạch dự kiến vẫn chưa được diễn ra đồng nhất. Đồng thời các kỹ năng về đặt câu hỏi, xây dựng đề cương ôn tập trong tự học cũng như kỹ năng xác định vấn đề cần học vẫn nhận được sự đánh giá thấp hơn so với các kỹ năng còn lại.

Dù vậy, cũng có thể thấy rằng, sinh viên đều đã có trang bị cho bản thân những kỹ năng nhất định trong việc tự học nhưng việc trang bị, rèn luyện các kỹ năng vẫn chưa thực sự diễn ra đồng đều. Cũng từ những đánh giá về kỹ năng tự học của sinh viên, nghiên cứu nhận thấy được quá trình tự học của sinh viên cũng chịu tác động từ những yếu tố khác nhau như những yếu tố xuất phát từ chính bản thân sinh viên, những yếu tố có liên quan đến cơ sở vật chất, hệ thống trang thiết bị, thông tin của nhà trường hay chính các phương pháp giảng dạy của giảng viên cũng có tác động đến việc tự học của sinh viên hiện nay.

2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học của sinh viên

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên khoa KHXH&NV, trường ĐHCT nghiên cứu sử dụng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha để kiểm định mức độ chặt chẽ mà các mục hỏi trong thang đo tương quan với nhau. Tiếp đến tiến hành phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) để kiểm định nhóm các nhân tố tác động đến việc tự học của sinh viên khoa KHXH&NV, trường ĐHCT và cuối cùng sử dụng phương trình nhân tố điểm để diễn giải tác động của các yếu tố liên quan đến việc tự học của sinh viên khoa KHXH&NV, trường ĐHCT.

Kết quả phân tích số liệu cho thấy, hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của mô hình là $0,906 > 0,6$. Qua kiểm định Cronbach's Alpha ta thấy, hầu hết hệ số Alpha của Cronbach's đều lớn hơn $0,6$ chứng tỏ thang đo này được chấp nhận (Peterson, 1994). Tuy nhiên, do hệ số tương quan biến tổng của 2 biến X6 (Thời gian tham gia hoạt động ngoại khóa), X7 (Thời gian sinh viên làm thêm) nhỏ hơn $0,3$ nên sẽ bị loại bỏ và có 19 biến quan sát đủ điều kiện để đưa vào phân tích nhân tố.

Trong phân tích nhân tố khám phá EFA các biến được nhận khi có hệ số tải nhân tố (Factor loading) từ $0,5$ trở lên (Hair & ctg, 1998), đồng thời phải thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$ thì phân tích nhân tố là thích hợp. Để kiểm định mối quan hệ giữa các biến, nghiên cứu sử dụng kiểm định Bartlett (Bartlett's test of sphericity) và kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin measure of sampling adequacy). Kết quả giá trị p-value của kiểm định Bartlett = $0,000 < 0,05$, chứng tỏ từ chối giả thuyết H_0 (không có sự tương quan giữa các biến tổng thể), nghĩa là các biến có quan hệ với nhau. Bên cạnh đó, hệ số KMO của các kiểm định là $0,892$ đã thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$ nên dữ liệu phù hợp để phân tích EFA.

Theo kết quả chạy phân tích nhân tố EFA với các kiểm định được đảm bảo với độ tin cậy của các biến quan sát (Factor loading $> 0,5$), qua 19 biến quan sát của mô hình đều đảm bảo với độ tin cậy của biến quan sát (Factor loading $> 0,5$) nên đều được giữ lại và không loại ra biến nào. Theo kết quả phân tích, 19 biến quan sát được chia thành 4 nhóm nhân tố, bao gồm:

Nhân tố 1 (B_1) được đặt tên là yếu tố cá nhân (CANHAN) gồm tập hợp 5 biến quan sát liên hệ chặt chẽ với nhau và có hệ số tải nhân tố từ $0,523$ đến $0,832$. X1 (Tính chăm chỉ, siêng năng

trong học tập), X2 (Tính kiên định cao trong học tập), X3 (Sự đam mê trong học tập), X4 (Định hướng việc làm của sinh viên), X5 (Việc sắp xếp thời gian tự học).

Nhân tố 2 (B_2) là yếu tố thầy, cô giảng viên (GIANGVIEN) gồm tập hợp 5 biến quan sát liên hệ chặt chẽ với nhau và có hệ số tải nhân tố từ 0,550 đến 0,790. Bao gồm: X13 (Yêu cầu của giảng viên), X14 (Định hướng của giảng viên), X15 (Sự khuyến khích của giảng viên), X16 (Phương pháp giảng dạy của giảng viên), X17 (Giảng viên giới thiệu tài liệu tự học).

Nhân tố 3 (B_3) là yếu tố nhà trường (NHATRUONG) gồm tập hợp 5 biến quan sát liên hệ chặt chẽ với nhau và có hệ số tải nhân tố từ 0,543 đến 0,771. Bao gồm: X8 (Địa điểm tự học), X9 (Nguồn tài liệu giấy), X10 (Nguồn tài liệu online), X11 (Hệ thống kết nối internet), X12 (Đào tạo theo hệ thống tín chỉ).

Nhân tố (B_4) là yếu tố gia đình (GIADINH) gồm tập hợp 4 biến quan sát liên hệ chặt chẽ với nhau và có hệ số tải nhân tố từ 0,643 đến 0,791. Bao gồm: X18 (Định hướng của gia đình), X19 (Sự quan tâm của gia đình), X20 (Chu cấp từ gia đình), X21 (Truyền thống của gia đình).

Như vậy, mô hình nghiên cứu mới bao gồm 4 nhóm nhân tố. Do đó, ta có 4 hàm như sau:

$$B_1 = 0,378 \cdot X_1 + 0,351 \cdot X_2 + 0,316 \cdot X_3 + 0,192 \cdot X_4 + 0,193 \cdot X_5$$

$$B_2 = 0,409 \cdot X_{13} + 0,379 \cdot X_{14} + 0,346 \cdot X_{15} + 0,245 \cdot X_{16} + 0,182 \cdot X_{17}$$

$$B_3 = 0,263 \cdot X_8 + 0,329 \cdot X_9 + 0,403 \cdot X_{10} + 0,333 \cdot X_{11} + 0,269 \cdot X_{12}$$

$$B_4 = 0,437 \cdot X_{18} + 0,310 \cdot X_{19} + 0,356 \cdot X_{20} + 0,397 \cdot X_{21}$$

Dựa trên kết quả phân tích số liệu thực tế, có thể thấy các nhóm nhân tố được đề xuất trong mô hình nghiên cứu ban đầu bao gồm: Yếu tố cá nhân; Yếu tố nhà trường; Yếu tố thầy cô, giảng viên và Yếu tố gia đình, đều có tác động đến quá trình tự học của sinh viên khoa KHXH&NV. Trong mỗi nhóm nhân tố đều có những yếu tố tác động mạnh nhất đến quá trình tự học được xác định thông qua hệ số giá trị tuyệt đối của hệ số đứng trước mỗi biến. Yếu tố nào có trị tuyệt đối của hệ số càng lớn thì ảnh hưởng càng quan trọng đến biến B. Cụ thể:

Đối với nhóm nhân tố thứ nhất về yếu tố cá nhân: tính chăm chỉ, siêng năng trong học tập ảnh hưởng đến hoạt động quá trình tự học của sinh viên khoa KHXH&NV nhiều nhất với hệ số lên đến 0,378. Với đặc thù của môi trường đại học, không có sự ràng buộc đối với sinh viên, đồng thời cũng đề cao tinh thần tự giác học tập của mỗi cá nhân. Do vậy mà không đưa ra những yêu cầu khắt khe đối với việc tự học, nên sự chăm chỉ, siêng năng trong học tập luôn là chìa khóa cho sự thành công và khác biệt về thành tích học tập và cũng trở thành nhân tố quyết định trong việc tự học của sinh viên. Những sinh viên có tinh thần chăm chỉ, siêng năng học tập sẽ luôn nhận thấy được tầm quan trọng của việc tự học đối với hiệu quả học tập của bản thân, đồng thời cũng sẽ chủ động và linh hoạt hơn trong việc lựa chọn phương pháp cũng như nội dung tự học.

Ở nhóm nhân tố thuộc về yếu tố thầy, cô giảng viên: Kết quả khảo sát cho thấy, yêu cầu của giảng viên ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên nhiều nhất, với hệ số 0,409. Thông thường, sinh viên sẽ không có ý thức tự giác học tập nếu không nhận được sự thúc đẩy hoặc áp lực từ phía giảng viên. Phần lớn sinh viên vẫn tồn tại tâm thế học để đối phó chứ không thật sự chú tâm vào môn học, điều này cũng là nguyên nhân dẫn đến sinh viên không tự học như phân bổ của chương trình. Trên thực tế, những giảng viên có yêu cầu cao, đòi hỏi sinh viên phải tự cập nhật, bổ sung kiến thức cho môn học sẽ trở thành động cơ thúc đẩy cho việc tự học của sinh viên được tăng lên.

Nhóm nhân tố thứ ba là yếu tố về nhà trường cho thấy rằng nguồn tài liệu online ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên nhiều nhất, với hệ số 0,403. Việc tự học ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa thực sự phổ biến đối với sinh viên một phần xuất phát từ việc thiếu những nguồn tài liệu có chất lượng. Việc tiếp cận các tài liệu khoa học, đặc biệt là tài liệu của nước ngoài vẫn còn rất khó khăn. Xu hướng chung của sinh viên trong thời đại công nghệ lại thường tìm kiếm các nguồn tài liệu trên mạng thay vì các sách được in ấn, nhưng những tài liệu đó chưa được kiểm duyệt nên độ tin cậy chưa cao. Khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu cũng dễ dẫn đến sự chán nản khi sinh

viên tự học. Ngược lại, nguồn tài liệu online được cải thiện sẽ dễ dàng hơn cho việc tìm kiếm thông tin phục vụ quá trình tự học của sinh viên.

Nhóm nhân tố cuối cùng thuộc về yếu tố gia đình, kết quả phân tích đã cho thấy định hướng của gia đình có mức độ ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động tự học của sinh viên, với hệ số là 0,437. Kết quả này phản ánh đúng thực trạng hiện nay, một bộ phận phụ huynh chưa có sự quan tâm đến việc học tập của con. Các bậc phụ huynh do bận rộn với công việc cho nên việc theo dõi, chia sẻ và định hướng cho con cái còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên không phải cá nhân sinh viên nào cũng tự ý thức được nhiệm vụ học tập của bản thân, chính vì thế khi không được sự quan tâm định hướng của gia đình thì các bạn dễ bỏ bê chuyện học tập. Để hoạt động tự học của sinh viên được thực hiện có hiệu quả, đòi hỏi việc định hướng của gia đình phải dựa vào khả năng thực tế của sinh viên.

2.4. Một số biện pháp nâng cao chất lượng tự học cho SV

Qua kết quả khảo sát cho thấy vẫn tồn tại những mặt hạn chế trong quá trình tự học như việc phân bổ thời gian tự học, những hiểu biết về tự học cũng như lựa chọn phương pháp tự học của sinh viên vẫn còn nhiều hạn chế. Do đó, cần phải có những biện pháp thiết thực nhằm khắc phục những trở ngại trong quá trình tự học của sinh viên. Nghiên cứu đề xuất một số biện pháp cụ thể như sau:

Nâng cao ý thức, trách nhiệm và tạo động lực tự học cho SV

Giúp sinh viên nhận thức đầy đủ hơn và sâu sắc hơn về vị trí, tầm quan trọng của việc tự học, tự rèn luyện. Từ đó sinh viên nâng cao ý thức tự học, xác định mục tiêu, động cơ học tập đúng đắn và hình thành thói quen, niềm đam mê học tập suốt đời để không ngừng nâng cao kết quả học tập. Muốn khả năng tự học của sinh viên được tốt, ngoài nhân tố nội lực của chính sinh viên, còn có một nhân tố quan trọng là sự hướng dẫn của giảng viên, cán bộ quản lý trong việc giúp đỡ sinh viên tạo ra động cơ học tập tập, rèn luyện. Việc giáo dục động cơ, thái độ trách nhiệm học tập của sinh viên được tiến hành theo những nội dung và cách thức khác nhau. Trong đó phải thường xuyên quán triệt mục tiêu yêu cầu giáo dục đào tạo và gắn việc thực hiện mục tiêu, yêu cầu phù hợp với nhu cầu, sở thích học tập của sinh viên. Để tạo động lực thúc đẩy cho sinh viên tự học, nhà trường cần tổ chức các cuộc hội thảo, các buổi nói chuyện chuyên đề trong đó đưa ra được nhiều nội dung kích thích sự tìm tòi, khám phá của sinh viên. Từ đó, xây dựng và thúc đẩy tinh thần tự học, tự rèn luyện của mỗi người.

Trang bị và rèn luyện cho SV những kỹ năng, phương pháp tự học

Đây là nhân tố có ảnh hưởng và chi phối mạnh mẽ đến quá trình tự học của sinh viên. Làm tốt việc hướng dẫn cho sinh viên kiến thức, kỹ năng tự học môn học chính là thực hiện chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới: Phát huy phương pháp dạy học tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác và bồi dưỡng năng lực tư duy, rèn luyện năng lực thực hành cho người học. Giảm thời gian giảng lý thuyết, tăng thời gian tự học, tự nghiên cứu, tìm hiểu của sinh viên. Phương pháp tự học có vai trò to lớn, quyết định chất lượng tự học. Có phương pháp tự học phù hợp sẽ đem lại hoạt động cao trong việc đưa kiến thức vào cuộc sống. Đối với việc tự học, vai trò của giảng viên là người phối hợp, giúp đỡ sinh viên trong việc xác định động cơ, trách nhiệm học tập đúng đắn, cung cấp kiến thức, kỹ năng tự học, gợi mở về những phương pháp tự học. Đồng thời, giảng viên, cũng là người duy trì thời gian và kiểm soát, đánh giá kết quả quá trình tự học của sinh viên. Đặc biệt, chú trọng đến việc hình thành tư duy phản biện cho sinh viên thông qua việc rèn luyện kỹ năng đặt câu hỏi trong giờ học. Giảng viên cần xây dựng hệ thống các câu hỏi nền, mang tính dẫn dắt, thông qua các câu hỏi đó, sinh viên tiếp tục đưa ra những câu hỏi cho nội dung bài học, đối tượng được hỏi không chỉ bao gồm các sinh viên mà kể cả giảng viên cũng tham gia vào quá trình hỏi và đáp trong tiết học. Đồng thời, giảng viên cần hướng dẫn cho sinh viên thế nào là cách thức xây dựng một câu hỏi đúng và có sự vận dụng ngay trong tiết dạy để sinh viên ấn tượng và ghi nhớ lâu hơn.

Đối với kĩ năng đọc, ghi chép và quan sát. Trong các giờ học tập trung, giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên một số nội dung quan trọng trong hỗ trợ cho việc tự học như cách nghe giảng và ghi chép. Người học phải xác định cho mình cách nghe giảng phù hợp, tập trung chú ý ghi chép thông tin có chọn lọc, có liên hệ thực tiễn. Ngoài vấn đề nghe giảng, giảng viên còn cần hướng dẫn cho sinh viên phương pháp đọc tài liệu, chọn lọc thông tin và phương pháp luyện tập các nội dung thực hành... Thông qua các biện pháp đó sinh viên sẽ có được điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu suất tự học, tự rèn luyện của riêng mình.

Phát huy tính tự chủ, tự giác, tự lực; tính kỉ luật; sự kiên trì và say mê trong tự học

Đây là những yếu tố rất quan trọng và cần thiết dẫn đến sự thành công của việc tự học. Bởi nếu không có tính tự chủ, tự giác, đặc biệt là sự ham muốn và ngọn lửa đam mê, thì việc học chỉ là sự cưỡng ép, giống như người thợ rèn đập búa trên sắt nguội. Do đó, ngoài việc trang bị những kĩ năng tự học, SV cần phát huy những đức tính và phẩm chất tốt đẹp đó.

Muốn vậy, SV cần:

- Tự chủ, tự giác trong việc học của mình. Luôn chủ động đối phó với những trở ngại hay thất bại, biết điều chỉnh, thay đổi việc học cho phù hợp với điều kiện cụ thể.

- Tự lực giải quyết vấn đề học tập một cách độc lập, tự mình đào sâu suy nghĩ, không ỉ lại, trông đợi ở sự giúp đỡ của người khác.

- Đặt ra kế hoạch học tập và cố gắng thực hiện một cách tốt nhất để rèn tính kỉ luật. Mọi hoạt động học tập phải tuân thủ đúng thời gian và tiến độ, không trì hoãn việc học khi gặp khó khăn.

- Kiên trì theo đuổi mục đích học tập đến cùng. Việc học luôn tốn nhiều công sức và thời gian, đôi khi rất mệt mỏi và thất bại, nhưng hãy luôn tin tưởng vào sự cố gắng của mình, bởi "Có công mài sắt, có ngày nên kim". Đặc biệt, phải biết chiến thắng và vượt qua những cảm giác yếu kém, tự ti, thất bại để tiếp tục học tập.

- Để có động lực học tập mạnh mẽ và duy trì việc học tập dài lâu, không thể thiếu sự say mê. Chính sự say mê tạo nên cảm xúc tích cực trong học tập. Nhiều tấm gương về sự say mê trong tự học như: Khổng Tử, Lê Hữu Trác, Hồ Chí Minh, Nguyễn Cảnh Toàn... đã tạo nên sự thành công trong cuộc đời và sự nghiệp.

Tạo môi trường sư phạm tích cực

Việc tạo một môi trường học tập thuận lợi, khoa học với nhiều hoạt động là yếu tố vô cùng cần thiết để giúp sinh viên cải thiện khả năng tự học. Môi trường thuận lợi sẽ giúp sinh viên phát huy cao độ khả năng tự học, tự rèn luyện, tạo môi trường phát triển tư duy, sáng tạo, tích cực, chủ động để đạt hoạt động học tập tốt nhất. Chấn chỉnh kịp thời những trường hợp làm ảnh hưởng đến quá trình tự học của người khác. Đồng thời, tích cực biểu dương những mô hình, phương pháp tự học hiệu quả. Tuy việc tự học mang sắc thái cá nhân nhưng nó không tách rời khỏi tập thể lớp học và môi trường học tập. Do đó, thông qua việc biểu dương để nhân rộng mô hình tự học hoạt động hoặc gợi mở cho các sinh viên khác những phương pháp tự học phù hợp với mình. Để tạo môi trường sư phạm tích cực còn phải xây dựng mối đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình tự học để cùng tiến bộ.

Bảo đảm tốt nhất về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động tự học môn học

Tất cả hoạt động học tập nói chung và hoạt động tự học nói riêng đều cần có sự bảo đảm về cơ sở vật chất, học liệu. Đây là điều kiện không thể thiếu để tạo ra hoạt động, phát triển theo chiều sâu của hoạt động học tập. Đề công tác bảo đảm tài liệu đạt chất lượng tốt hơn cần rà soát, tính toán số lượng và thể loại sách, tài liệu, mô hình, học cụ... đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên. Bổ sung kịp thời các tài liệu tham khảo, các tạp chí chuyên ngành và mở rộng giao lưu, cập nhật website và liên kết với các website khác có nội dung phù hợp, phục vụ cho việc truy cập nghiên cứu của cán bộ và sinh viên. Các tài liệu, cơ sở vật chất cần thường xuyên được củng cố, mở rộng và nâng cấp để đáp ứng tính thời sự và sự phát triển của tri thức.

3. Kết luận

Tự học là một trong những phương pháp học cơ bản và cần thiết của sinh viên. Tự học không những giúp sinh viên không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập khi còn ngồi trên ghế nhà trường mà trong tương lai, họ sẽ trở thành người cán bộ khoa học kỹ thuật có năng lực, có thói quen và phương pháp tự học suốt đời. Tuy nhiên, đối với sinh viên Khoa KHXH&NV thời gian tự học còn hạn chế. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên khoa KHXH&NV bao gồm bản thân sinh viên, nhà trường, giảng viên và gia đình, đặc biệt là sự quan tâm và định hướng của gia đình. Trong đó, định hướng của gia đình là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến việc tự học của sinh viên. Chính vì thế để hoạt động tự học của sinh viên mang lại hiệu quả thì cần thực hiện đồng loạt nhiều biện pháp cũng như sự quan tâm từ nhiều phía. Trước tiên bản thân sinh viên phải chủ động trong việc tự học có định hướng, kế hoạch và phương pháp tự học phù hợp. Bên cạnh đó gia đình, nhà trường cần có sự quan tâm và hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tự học của sinh viên. Giúp sinh viên có thể phát huy khả năng của bản thân, có được nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết hỗ trợ cho công việc trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nghị quyết 29- NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" đã được hội nghị trung ương 8 (khóa xi) thông qua. Tạp chí xây dựng đảng giới thiệu toàn văn nghị quyết. Ban hành ngày 04/11/2013.
- [2] Marilyn Ralph, 1994. Part-Time Work: Te Atitudes, Perceptions and Opinions of Year 11 Students. Journal of Aethetics and art Criticism. https://ro.ecu.edu.au/theses_hons/644.
- [3] Lê Đình Hải, 2016. “Ứng dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá trong việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên của khoa kinh tế và quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp”. *Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp*, số 2, tr.142-152.
- [4] Nguyễn Đức Giang và cộng sự, 2020. Năng lực tự học và các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển năng lực tự học cho sinh viên sư phạm. *Educational Sciences*, Volume 65, Issue 4, pp.79-88. DOI: 10.18173/2354-1075.2020-0059 .
- [5] Phạm Thị Kim Anh, 2020. “Phát triển năng lực dạy học cho GV trẻ ở THPT qua con đường tự học, tự bồi dưỡng”. *Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Volume 65, Issue 4C, tr.22-30.
- [6] Lyn Robinson, 1996. School students and part-time work. Australian Council for Educational Research, *Lsay research reports, Research Report Number 2*, Robinson, L. (1996). School students and part-time work. https://research.acer.edu.au/lsay_research/6.
- [7] Margaret Vickers et al, 2003. Student workers in high school and beyond: the effects of part-time employment on participation in education, training and work. *Journal of Education and Training*, 2003,45,2/3; ABI/INFORMATION Global, p.69.
- [8] Mark D. Turner, 1996. *The Effects of Part-Time Work and a Minimum Wage Hike on Educational Outcomes for High School Students--An Overview: Dissertation Summary*. W.E Upjohn Institution for Employment research, pp.16-18.
- [9] Nguyễn Phạm Tuyết Anh và cộng sự, 2012. “Tác động của việc làm thêm đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Cần Thơ”. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, Phần D: *Khoa học chính trị, Kinh tế và Pháp luật*: 26: tr.31-40.

- [10] Nguyễn Thị Quỳnh Anh, 2016. “Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên trường cao đẳng công nghệ thông tin hữu nghị Việt – Hàn”. *Tập san Khoa học – Giáo dục*, Số 5, tr.33-39.
- [11] Nguyễn Thị Thu An và cộng sự, 2016. “Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên năm I-II trường đại học Kỹ thuật- Công nghệ Cần Thơ”. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, Phần C: *Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục*: 46, tr.82-89.
- [12] Vương Quốc Duy và cộng sự, 2015. “Đánh giá kết quả học tập của sinh viên đi làm thêm và sinh viên không đi làm thêm ở các khoa trong trường Đại học Cần Thơ”. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, Phần D: *Khoa học chính trị, Kinh tế và Pháp luật*: 42, tr.107-110.
- [13] Nguyễn Cảnh Toàn & Nguyễn Kỳ, 1997. *Nghiên cứu và phát triển tự học-tự đào tạo, Sách tự học, tự đào tạo tư tưởng chiến lược của giáo dục Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Cảnh Toàn, 2002. *Tuyển tập các tác phẩm: Tự giáo dục, tự nghiên cứu, tự học*. Trung tâm Văn hóa và ngôn ngữ Đông Tây.
- [15] Nguyễn Trí, 1998. *Người giáo viên với vấn đề tự học. Sách tự học, tự đào tạo – Tư tưởng phát triển giáo dục Việt Nam*, Trung tâm nghiên cứu và phát triển tự học. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [16] Vũ Quốc Chung & Lê Hải Yến, 2003. *Để tự học đạt hiệu quả*. Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

ABSTRACT

The current status quo of self-learning and factors affecting self-study activities of students in School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University

Nguyen Van Tron^{1*}, Nguyen Le Man², Le Nguyen Phuong Anh² và Chung Quan Tien²

¹ School of Law, Can Tho University,

² School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University

Self-study is a path of endogenous development to become perfect and develop personal abilities. Only when the self-learning force can be promoted, the learning results will be certain. Therefore, the issue of students' self-study is mainly prominent in the current context. The study was conducted to find out the current situation of students' self-study as well as identify and analyze factors affecting self-study activities of students of the School of Social Sciences and Humanities in Can Tho University (CTU). Then, the study proposed several suitable measures aiming to support students who will have appropriate self-study methods to improve learning outcomes. Research data were directly collected by questionnaire method of 200 students at School of Social Sciences and Humanities, CTU. Descriptive statistical methods are mainly used in the study to analyze factors affecting self-study activities. The study has identified four groups of factors that affect students' self-study ability, that is, family, individual, school and teachers.

Keywords: Influencing factors, self-study activities, students, society and humanities, Can Tho University.